| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 108/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 07-7-2026
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Nhiệm và ông Nguyễn Viết Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 207/2026/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985; CCCD: số 040185016783

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1985; CCCD số: 040085029024

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã Q, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã Q, tỉnh Nghệ An.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 05/1/2026, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày*:

Chị và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 04/3/2009 nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường; đến năm 2019 anh Đ đi Hàn Quốc thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Thời gian đầu sang Hàn Quốc thì anh Đ có hay gọi điện và gửi tiền về cho vợ con để chi tiêu và trả nợ nhưng từ năm 2023 thì anh Đ không gọi điện về thường xuyên cho gia đình nữa, cũng không gửi tiền về cho

vợ để nuôi con. Qua tìm hiểu thì chị được biết anh Đ đã có người khác ở bên Hàn Quốc. Chị có gọi điện sang khuyên bàn nhưng không được. Nay vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

Về con chung, vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Văn V, sinh ngày 11/9/2010; Hoàng Thị Lê N, sinh ngày 20/11/2011 và Hoàng Văn Đ1, sinh ngày 14/02/2015, hiện con chung đang ở với chị T nên ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn Đ vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Tòa án cũng đã gửi công văn cho Phòng Q – Công an tỉnh N và được biết hiện nay anh Đ xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 06/12/2019, chưa có thông tin về nước. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn để nghị gia đình anh Hoàng Văn Đ cung cấp thông tin, địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Đ vẫn không có mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh tại bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh Hoàng Văn Đ cho biết: Chị T và anh Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã sinh được 03 người con là Hoàng Văn V, Hoàng Thị Lê N, Hoàng Văn Đ1. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2019 thì anh Đ đi xuất khẩu lao động đến nay chưa về lần nào, nhưng anh Đ vẫn điện về hỏi thăm bà qua zalo, mesenger. Bà có hỏi địa chỉ của anh Đ ở bên nước ngoài nhưng anh Đ không nói. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì bà không biết chỉ nghe chị T kể lại là do anh Đ có người khác rồi không gửi tiền về nuôi con. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bà không biết đến chuyện riêng tư của các con.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Chị T và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nay là xã Q, đúng quy định. Theo hệ thống dữ liệu quốc gia cho thấy chị T và anh Đ có 03 con chung là Hoàng Văn V, sinh ngày 11/9/2010; Hoàng Thị Lê N, sinh ngày 20/11/2011 và Hoàng Văn Đ1, sinh ngày 14/02/2015. Anh Đ đi xuất khẩu lao động thì con chung đang ở với chị T. Chị T và anh Đ có mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không được biết. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị

đơn không chấp hành pháp luật theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ; Về con chung: Giao con chung Hoàng Văn V, sinh ngày 11/9/2010; Hoàng Thị Lê N, sinh ngày 20/11/2011 và Hoàng Văn Đ1, sinh ngày 14/02/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ vì chị T không yêu cầu; về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Hoàng Văn Đ, đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Trước khi xuất cảnh anh Đ cư trú tại Thôn P, xã Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được, kết quả xác minh Phòng Xuất nhập cảnh – Công an tỉnh N; lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bình M đẻ của anh Hoàng Văn Đ thì có căn cứ xác định hiện nay anh Đ đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình. Anh Đ đã biết được việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh Đ tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An nhưng anh Đ không cung cấp địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh Đ cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh cho Tòa án. Do đó, việc anh Hoàng Văn Đ vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; chị T có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã T nay là xã Q, tỉnh Nghệ An ngày 04/3/2009. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Đ có người khác, không quan tâm đến vợ con. Anh Đ không có lời khai nhưng theo bà B mẹ anh Đ cho biết anh Đ và chị T cũng đã có mâu thuẫn, không quan tâm nhau. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đ đã biết nhưng không có ý kiến gì, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên cần xử cho Bùi Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn Đ là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình .

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn Đ có 03 con chung là Hoàng Văn V, sinh ngày 11/9/2010; Hoàng Thị Lê N, sinh ngày 20/11/2011 và Hoàng Văn Đ1, sinh ngày 14/02/2015. Từ khi anh Đ đi nước ngoài đến nay các cháu đều ở với chị T, khỏe mạnh phát triển bình thường. Hơn nữa anh Đ hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con được. Do đó cần giao các con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nêu Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản: Chị Bùi Thị T và nh Hoàng Văn Đ không yêu cầu giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội Đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

2.2. Về con: Giao con chung Hoàng Văn V, sinh ngày 11/9/2010; Hoàng Thị Lê N, sinh ngày 20/11/2011 và Hoàng Văn Đ1, sinh ngày 14/02/2015 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ do chị T không yêu cầu.

Anh Hoàng Văn Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh N theo biên lai số 0002798 ngày 16/4/2026.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn Đ có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Phú (xã Tiến Thủy nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Hà**